

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 25 tháng 11, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	AAA	24/11/2025	8.35	4.654.800	2.258.867	02.06
2	AAV	24/11/2025	6.9	703.000	586.187	1.2
3	AFX	24/11/2025	13.8	556.600	277.603	02.01
4	APS	24/11/2025	7.9	686.400	570.293	1.2
5	C69	24/11/2025	12.8	559.800	385.457	1.45
6	CRC	24/11/2025	9.36	1.041.400	860.513	1.21
7	CSM	24/11/2025	13.6	524.400	461.283	1.14
8	DBC	24/11/2025	27.2	5.125.000	3.683.230	1.39
9	DPM	24/11/2025	23.15	5.263.200	4.776.837	1.1
10	DRI	24/11/2025	12.9	773.600	579.377	1.34
11	HII	24/11/2025	7.45	1.626.900	493.533	3.3
12	KHG	24/11/2025	7.76	16.673.100	16.334.787	01.02
13	MSH	24/11/2025	40.3	865.900	476.987	1.82
14	MZG	24/11/2025	8.4	3.511.200	1.204.760	2.91
15	NVL	24/11/2025	15.8	19.922.400	18.944.206	01.05
16	POW	24/11/2025	15.1	9.268.600	7.300.534	1.27
17	SAB	24/11/2025	46.15	863.800	703.600	1.23
18	SHI	24/11/2025	14.7	519.700	431.090	1.21
19	SIP	24/11/2025	57	789.200	389.417	02.03
20	TIG	24/11/2025	7.8	1.424.300	848.280	1.68
21	TV2	24/11/2025	37.3	542.900	236.917	2.29
22	VJC	24/11/2025	204.8	2.856.900	2.637.560	1.8
23	VNM	24/11/2025	63	9.900.300	4.624.214	2.14
24	VPI	24/11/2025	55	2.556.000	2.042.963	1.25
25	VRE	24/11/2025	34.45	26.444.000	13.037.403	02.03
26	YEG	24/11/2025	12.35	2350500	1478350	1.59



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAV	24/11/2025	6.9	600.420	67.53	6.7	2.94	0.14	0.07
2	CRC	24/11/2025	9.36	1.038.470	50.99	8.98	4.2	-0.27	0.34
3	CTD	24/11/2025	88.6	610.770	50.79	83.52	06.08	0.38	0.94
4	DRI	24/11/2025	12.9	696.740	65.15	12.37	4.26	0.12	-0.11
5	HHS	24/11/2025	14.45	1.750.000	41.53	14.09	2.56	-0.63	0.44
6	IDC	24/11/2025	40	3.388.140	52.5	39.89	0.29	0.16	-1.1
7	KSB	24/11/2025	18.55	1.440.740	47.17	18.3	1.35	-0.15	0.2
8	MBS	24/11/2025	29.4	2.834.990	44.44	27.98	05.09	-0.71	0.18
9	PC1	24/11/2025	21.85	1.885.010	54.49	20.71	5.52	-0.11	0.05
10	SHI	24/11/2025	14.7	516.170	56.79	14.27	03.02	0.02	-0.04
11	TNG	24/11/2025	19.5	1.162.760	54.81	18.85	3.46	0.06	-0.37
12	VC3	24/11/2025	27.9	1.013.500	50.44	26.53	5.18	-0.14	0.14
13	VGI	24/11/2025	75.3	1.264.890	48.3	73.57	2.36	0.72	-1.92
14	VGT	24/11/2025	12.7	1.035.310	56.83	12.1	4.93	0.07	-0.04
15	VHC	24/11/2025	58.4	1.559.270	53.72	56.84	2.74	0.44	-1.13
16	VIB	24/11/2025	18.5	4.364.310	42.96	17.91	3.27	-0.36	0.16



Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	AFX	13.8	13.9	562.160
2	CT3	5.8	5.8	253030
3	HAP	7.63	7.71	212.150
4	HID	7.2	7.2	1.169.510
5	HII	7.45	7.76	998820
6	LGL	06.06	06.06	314.340
7	VIC	239.5	243.9	3.131.190
8	VJC	204.8	205.1	2.099.040
9	VNM	63	63.4	6.116.760

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	AVG	11.5	11.3	179.190
2	BMC	16.2	16	27.170
3	CCC	13.95	13.95	144.200
4	CTX	11.2	11.2	158.270
5	MZG	8.4	8.4	2.375.560
6	SGR	20.1	18.85	127.250
7	TDP	27.95	27.95	69.370

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ACB	24.6	24.6	6.254.260
2	APG	10.8	10.75	257.700
3	AVG	11.5	11.3	179.190
4	BKC	22.1	22	26.080
5	BMC	16.2	16	27.170
6	BTH	28.1	27	19.850
7	CCC	13.95	13.95	144.200
8	CHP	31.7	31.65	62.060
9	CSC	17.7	16.3	32.630
10	CTX	11.2	11.2	158.270
11	DDV	28.1	27	964.260
12	DSC	15.3	15	34.510
13	DTD	17.9	17.9	287.800
14	GEG	14.7	14.65	339.350
15	HT1	15.7	15.5	257.370
16	MZG	8.4	8.4	2.375.560
17	PAN	27.45	27.4	930.420
18	SGR	20.1	18.85	127.250
19	TDP	27.95	27.95	69.370
20	THG	47.05	47	64.900
21	TVB	8.5	8.1	40.270
22	TVS	16.04	16.35	70.960
23	VBB	10.6	10.5	47.660
24	VCI	34.2	34.1	11.009.970
25	VFS	15.4	15.4	1.469.010
26	VNS	8.99	8.99	22.290
27	VPS	9.46	09.05	20.200

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	VPI	55	54.95	2.085.950

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	C4G	8.4	8.34	890.780
2	MSR	22.6	22.57	890.280
3	PVC	10.9	10.88	956050
4	SSB	17.4	17.36	3.158.270
5	TIG	7.8	7.79	953.740
7	VRE	34.45	32.69	8721750
8	VTZ	18.4	18.39	1195020
9	YEG	12.35	12.18	1157070

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CSV	31.35	31.33	840.450
2	CTD	88.6	86.54	610.770
3	OGC	4.26	04.03	601540
4	VRE	34.45	34.12	8.721.750



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	GAS	61	61.72	592.600
2	HPX	4.65	4.71	1.231.890
3	IDI	7.27	7.3	673230
4	PVT	17.85	17.97	3.273.010

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	HDB	31.1	31.18	15.085.920
2	PET	30.85	31.46	1.219.520
3	PVT	17.85	17.88	3273010
4	VTP	102.8	103.67	529.060

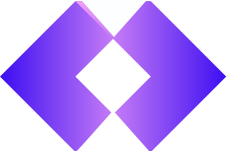
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CSV	31.35	31.38	840.450
2	FPT	100.2	100.58	5.756.310
3	GAS	61	61.7	592600
4	HAH	61.7	63.19	2.575.860
5	HBC	6.3	6.37	864.970
7	HPX	4.65	4.72	1231890
8	HSG	16.9	17	3529440
9	HTP	1.6	1.65	765670
10	HUT	17.1	17.49	2657350
11	IDI	7.27	7.29	673230
12	IJC	12.1	12.2	2068290
13	LDG	4.5	4.59	2743070
14	NAB	14.35	14.37	1509550
15	PDR	22.3	22.34	7572910
16	PET	30.85	31.55	1219520
17	PVS	33.1	33.52	5226360
18	PVT	17.85	17.86	3273010
19	SAB	46.15	46.47	849420
20	SCR	8.48	8.57	3168900
16	VGS	28.5	28.64	678280
17	VOS	12.85	12.9	746970



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	ODE	24/11/2025	46.2	45.3	46.3	2.2	18.500
2	SGN	24/11/2025	60.9	60.54	64.19	6	9.980
3	TVD	24/11/2025	10.3	9.9	10.5	6.1	20.940
4	TCL	24/11/2025	34.75	33.3	35.4	6.3	16.260
5	FOC	24/11/2025	64.5	63.5	67.5	6.3	10.300
6	CHP	24/11/2025	31.7	31.65	33.75	6.6	69.320
7	VCP	24/11/2025	25.5	25.31	27	6.7	14.140
8	QTP	24/11/2025	12.9	12.7	13.6	7.1	126.120
9	GDT	24/11/2025	20.75	20	21.5	7.5	11.000
10	DBD	24/11/2025	51.5	50.6	54.5	7.7	6.500
11	SJD	24/11/2025	14.15	13.68	14.76	7.9	50.400
12	HTG	24/11/2025	46.1	44.2	47.7	7.9	37.280
13	DVP	24/11/2025	68.9	67.9	73.4	8.1	15.380
14	SCG	24/11/2025	65.9	62.1	67.2	8.2	26.120
15	PVP	24/11/2025	14.1	13.56	14.68	8.3	44.180
16	SBA	24/11/2025	28.5	27.2	29.5	8.5	7.940
17	ITD	24/11/2025	13.6	12.8	13.9	8.6	12.000
18	HMC	24/11/2025	11.75	11.2	12.2	8.9	17.480
19	TCW	24/11/2025	32.5	30.4	33.1	8.9	17.180
20	PPH	24/11/2025	29.5	27.3	29.8	9.2	21.180
21	SAB	24/11/2025	46.15	44	48.15	9.4	694200
22	PGC	24/11/2025	13.55	12.75	13.95	9.4	18180
23	VGP	24/11/2025	28.3	26.5	29	9.4	14380
24	CQN	24/11/2025	31.3	30.5	33.4	9.5	10880
25	NCT	24/11/2025	96.6	95.5	104.71	9.6	24200
26	DHG	24/11/2025	102.7	100.4	110	9.6	10160
27	CLX	24/11/2025	15.9	15.3	16.8	9.8	80800
28	PPC	24/11/2025	10.05	9.6	10.55	9.9	278380



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009